

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2026 TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HCM

TT	Tên ngành/chương trình đào tạo Cấp học bổng học kỳ 1 năm học đầu tiên: bằng 50% học phí cho nữ học 6 ngành kỹ thuật (*)	Chương trình Đào tạo bằng tiếng Việt	Chương trình Đào tạo bằng tiếng Anh	Chương trình Việt - Nhật	Tổ hợp môn xét tuyển (in đậm là môn chính nhân hệ số 2)
		Mã xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã xét tuyển	
1	Chương trình đào tạo Kỹ thuật Thiết kế vi mạch (thuộc ngành CNKT Điện tử - viễn thông)	7510302KTVM			Toán – Lý – Văn; Toán – Lý – Anh; Toán – Lý – Hóa.
2	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302V	7510302A	7510302N	Toán – Lý – Hóa; Toán – Lý – Anh; Toán – Lý – Văn; Toán – Văn – Anh.
3	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301V	7510301A		
4	Công nghệ Kỹ thuật máy tính	7480108V	7480108A		
5	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303V	7510303A		
6	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh)	7520212V	7520212A		
7	Hệ thống nhúng và IoT	7480118V			
8	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209V			
9	Công nghệ chế tạo máy *	7510202V	7510202A	7510202N	
10	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử *	7510203V	7510203A		
11	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí *	7510201V	7510201A		
12	Chương trình đào tạo Cơ khí - Tự động hóa (thuộc ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		7510201TDA		
13	Kỹ thuật công nghiệp	7520117V			
14	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002V			
15	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng*	7510102V	7510102A		
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *	7580205V			
17	Quản lý xây dựng	7580302V	7580302A**		
18	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	7510106V			
19	Quản lý và vận hành hạ tầng	7840110V			
20	Công nghệ Kỹ thuật ô tô *	7510205V	7510205A	7510205N	
21	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	7510206V	7510206A	7510206N	
22	Năng lượng tái tạo	7510208V			
23	Công nghệ may	7540209V			
24	Quản lý công nghiệp	7510601V	7510601A		
25	Kế toán	7340301V	7340301A		
26	Thương mại điện tử	7340122V	7340122A**		
27	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605V			
28	Kinh doanh Quốc tế	7340120V	7340120A**		
29	Công nghệ tài chính	7340205V			
30	Quản trị kinh doanh	7340101V			

31	Công nghệ thông tin	7480201V	7480201A	7480201N	Toán – Lý – Hóa; Toán – Lý – Anh; Toán – Lý – Văn; Toán – Lý – Tin; Toán – Văn – Anh.
32	An toàn thông tin	7480202V			
33	Kỹ thuật dữ liệu	7480203V	7480203A**		
34	Công nghệ Kỹ thuật in	7510801V	Toán – Lý – Hóa; Toán – Lý – Anh; Toán – Lý – Văn; Toán – Hoá – Anh.		
35	Sư phạm công nghệ	7140246V	Toán – Lý – Hóa; Toán – Lý – Anh; Toán – Lý – Văn; Toán – Lý – Công nghệ (CN và NN)		
36	Tâm lý học giáo dục	7310403V	Văn – Sử – Địa; Văn – Sử – GD&T&PL; Văn – Sử – Anh; Văn – Địa – GD&T&PL; Văn – Toán – Anh; Văn – Anh – GD&T&PL.		
37	Luật	7380101V	Văn – Sử – Địa; Văn – Sử – GD&T&PL; Văn – Sử – Anh; Văn – Toán – Anh; Văn – Địa – GD&T&PL; Văn – Anh – GD&T&PL.		
38	Thiết kế đồ họa	7210403V	Vẽ TT – Văn – Lý; Vẽ TT – Văn – Anh; Vẽ TT – Toán – Văn; Vẽ TT – Toán – Anh; Vẽ TT – Văn – Vẽ ĐT.		
39	Kiến trúc	7580101V	Vẽ ĐT – Văn – Anh; Vẽ ĐT – Toán – Sử; Vẽ ĐT – Toán – Anh; Vẽ ĐT – Toán – Văn; Vẽ ĐT – Toán – Lý.		
40	Kiến trúc nội thất	7580103V			
41	Công nghệ vật liệu	7510402V	7510402A	Lý – Toán – Hóa; Hoá – Toán – Sinh; Lý – Toán – Sinh; Lý – Toán – Anh; Hóa – Toán – Anh.	
42	Chương trình đào tạo Môi trường và Phát triển bền vững (thuộc ngành Quản lý tài nguyên & môi trường)	7850101V		Toán – Anh – Văn; Toán – Anh – Hóa; Toán – Anh – Sinh; Toán – Anh – Lý; Toán – Anh – GD&T&PL.	
43	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	7510406V	7510406A**	Hóa – Toán – Lý; Hóa –Toán –Anh; Hóa – Toán –Sinh; Hóa – Toán – Văn.	
44	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	7510401V	7510401A		
45	Công nghệ thực phẩm	7540101V	7540101A		
46	Chương trình đào tạo Khoa học thực phẩm & Dinh dưỡng (thuộc ngành Công nghệ thực phẩm)	7540101DD			
47	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202V	Toán – Lý – Hóa; Toán – Lý – Anh; Toán – Hóa – Anh; Toán – Hóa – Văn; Toán – Văn – Anh.		
48	Thiết kế thời trang	7210404V	Vẽ TT – Văn – Sử; Vẽ TT – Anh – Văn; Vẽ TT – Toán – Văn; Vẽ TT – Văn – Vẽ ĐT; Vẽ TT – Toán – Vẽ ĐT.		
49	Ngôn ngữ Anh	7220201V	Anh – Toán – Sử; Anh – Toán – Tin; Anh – Văn – Toán; Anh – Toán – Địa.		
50	Sư phạm tiếng Anh	7140231V			
51	Vật lý kỹ thuật (định hướng công nghệ bán dẫn và cảm biến, đo lường)	7520401V	Lý – Toán – Tin; Lý – Toán – Hóa; Lý – Toán – Anh; Lý – Toán – Sinh.		
52	Chương trình đào tạo Truyền thông số và Công nghệ đa phương tiện (thuộc ngành Công nghệ truyền thông)	7320106V	Toán – Văn – Sử; Toán – Văn – Tin; Toán – Văn – Anh; Toán – Tin – Anh.		

GD&T&PL: Giáo dục kinh tế và pháp luật

Vẽ TT: Vẽ trang trí màu nước

Vẽ ĐT: Vẽ đầu tượng

Công nghệ (CN và NN): Công nghệ (Công nghiệp và nông nghiệp)

** : Các ngành dự kiến mở

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ



1. Tuyển sinh trực tiếp:

- ĐH Sunderland (Anh):

Quản trị Kinh doanh; Kỹ thuật Điện – Điện tử
(3+1 hoặc 4+0)

- ĐH Adelaide (Úc): Công nghệ Thông tin (2+2)

2. Chương trình chuyển tiếp quốc tế 2+2 (chỉ dành cho sinh viên đang theo học CTĐT tiếng Anh và Việt – Nhật tại Úc (ĐH Adelaide, ĐH Griffith), Hàn Quốc (ĐH Korea, ĐH Hanyang, ĐH Kyongdong, ĐH Ulsan), Đài Loan (chuyển tiếp theo mô hình 3+1+1 nhận bằng Thạc sỹ).

Liên hệ:

0902 628 508

Website:

ie.hcmute.edu.vn